

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày 09 -3 -2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến;

2. Bà Nguyễn Thị Cương.

- Thư ký phiên tòa : Bà Hoàng Thị Kim Oanh, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2019/TLST - DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-DS ngày 28/02/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đoàn Văn L, sinh năm: 1992 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn K V, xã L C, huyện T Y, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Vi Văn T, sinh năm: 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Bản T L, xã T T, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nông Thị D, sinh năm: 1993 (vắng mặt) ủy quyền cho anh Đoàn Văn L, sinh năm: 1992 (Anh L có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn K V, xã L C, huyện T Y, tỉnh Bắc Giang.

+ Chị Đào Thị L, sinh năm: 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Bản T L, xã T T, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 9 năm 2019, bản tự khai ngày 16 tháng 12 năm 2019, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa anh Đoàn Văn L trình bày:

Do có quen biết với anh Vi Văn T nên ngày 19 tháng 3 năm 2019 anh có cho anh Vi Văn T vay số tiền là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền gốc, các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 1%/ tháng, mục đích vay là để bảo dưỡng ô tô, thời hạn vay tiền là 30 ngày kể từ ngày 19/3/2019 đến ngày 19/4/2019 anh T phải trả số tiền đã vay cả gốc và lãi suất phát sinh. Khi anh cho anh T vay tiền có anh Tạ Văn Th chứng kiến tại nhà của anh Th. Đến hạn thanh toán anh đã yêu cầu anh T phải trả tiền cho anh nhưng anh T không trả tiền. Anh khởi kiện yêu cầu anh Vi Văn T phải trả số tiền gốc là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và lãi suất của số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) theo lãi suất 0,75%/ tháng tính từ ngày 19/3/2019 đến ngày 19/9/2019. Tiền lãi kể từ ngày 20/9/2019 trở đi đến ngày xét xử vụ án anh không yêu cầu. Chứng cứ anh L đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản gốc văn bản có tiêu đề “S V ngày 19/3/2019”, nội dung ghi lại việc anh Vi Văn T có vay thêm của anh Đoàn Văn L số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), thời hạn vay 30 ngày, lãi suất 1%/ tháng, mục đích vay để bảo dưỡng xe ô tô.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2020, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa anh Vi Văn T trình bày:

Vào ngày 19/3/2019 tại nhà anh Tạ Văn Th anh có vay của anh Tạ Văn Th số tiền gốc là 540.000.000đ (Năm trăm bốn mươi triệu đồng) hoặc 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) nhưng anh không nhớ chính xác số tiền anh vay anh Th, anh có viết giấy biên nhận vay số tiền 540.000.000đ (Năm trăm bốn mươi triệu đồng) hoặc 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) tiền gốc của anh Th, anh không nhớ thời hạn vay tiền là bao lâu, lãi suất các bên có thỏa thuận là 2.000đ (Hai nghìn đồng)/ 1.000.000đ (một triệu đồng)/1 ngày. Sau khi viết giấy biên nhận vay tiền của anh Th, anh Th đưa tiền cho anh vay sau đó anh Th có cộng số tiền lãi của số tiền anh vay trong thời hạn vay các bên đã thỏa thuận thành số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền lãi và yêu cầu anh viết thêm 01 giấy biên nhận vay số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền lãi chính là biên nhận ngày 19/3/2019 anh L đã nộp tại Tòa án. Khi anh vay tiền có anh L ở đó chứng kiến nhưng khi viết giấy biên nhận ngày 19/3/2019 thì anh Th bảo anh viết giấy vay của anh L nên anh đã viết giấy vay tiền của anh L. Sau khi vay tiền một thời gian anh đã trả cho anh Th đủ số tiền đã vay bao gồm tiền gốc là 540.000.000đ (Năm trăm bốn mươi triệu

đồng) hoặc 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và số tiền lãi 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) được viết trong văn bản ngày 19/3/2019 nhưng anh không nhớ ngày tháng anh trả tiền cho anh Th và anh cũng không có tài liệu để chứng minh, khi anh trả tiền có mặt cả anh Th và anh L, do tin tưởng anh L và anh Th nên anh không thu lại văn bản ngày 19/3/2019 ghi anh vay số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Anh khẳng định toàn bộ chữ viết và chữ ký người vay tiền “Vi Văn T” trong văn bản ngày 19/3/2019 đúng là chữ viết và chữ ký của anh. Anh L khởi kiện yêu cầu anh phải trả cho anh L số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi suất phát sinh anh không đồng ý vì anh đã thanh toán đầy đủ cho anh L và anh Th. Chứng cứ anh T đưa ra để chứng minh cho sự phản đối của anh là văn bản có tiêu đề “Giấy biên nhận thế chấp tài sản vay tiền” ngày 29/01/2019.

Tại bản tự khai ngày 16/12/2019 chị Nông Thị D trình bày:

Chị là vợ của anh Đoàn Văn L, việc anh L cho anh T vay tiền chị có được biết, số tiền anh L cho anh T vay là tài sản chung của vợ chồng chị. Nay anh L khởi kiện yêu cầu anh T phải trả cho anh L 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi suất phát sinh chị đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh L, chị ủy quyền cho anh L tham gia tố tụng tại Tòa án và nhận toàn bộ số tiền anh T trả nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2020 chị Đào Thị L trình bày:

Chị là vợ của anh Vi Văn T, vào đầu năm 2019 anh T có trao đổi với chị về việc anh T vay tiền của anh L và anh Th để mua xe ô tô, anh L và anh Th có lên nhà chị để xem đất và yêu cầu gia đình chị phải ký vào bản gốc giấy vay tiền nhưng chị không nhớ khi đó anh T vay bao nhiêu tiền, sau khi ký xong giấy biên nhận vay tiền thì anh T xuống nhà anh Th để lấy tiền và anh T mang tiền đi mua xe ô tô luôn, đến khi về nhà anh T không trao đổi với chị về việc anh T xuống nhà anh Th lấy tiền. Chị không biết gì về việc anh T vay số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) theo nội dung văn bản ngày 19/3/2019. Chị được anh T cho biết anh T không còn nợ tiền của anh L và anh Th. Anh L khởi kiện yêu cầu anh T phải trả cho anh L 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi suất phát sinh nhưng anh T đã trả tiền cho anh L đầy đủ nên chị đề nghị anh L không khởi kiện anh T.

Tại bản tự khai, biên bản đối chất ngày 21/02/2020, anh Tạ Văn Th trình bày:

Ngày 19/3/2019 anh có được chứng kiến việc anh Đoàn Văn L cho anh Vi Văn T vay số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), các bên có lập giấy vay tiền tại nhà anh. Trong quá trình anh L giao tiền cho anh T là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) anh có được chứng kiến và khi các bên viết giấy biên nhận anh có ký tên làm chứng để chứng kiến việc hai bên cho nhau vay tiền đúng như nội dung văn bản ghi ngày 19/3/2019 anh L nộp tại Tòa án. Anh không được biết và không được chứng kiến việc anh L cho anh T vay số tiền 540.000.000đ (Năm trăm bốn mươi triệu đồng) hoặc 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) như anh T trình bày.

Tại phiên tòa anh Đoàn Văn L không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện; anh Vi Văn T giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến, đề nghị:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 207; 208; Điều 271; Điều 273; 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357, 440, 463, Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Văn L, buộc anh Vi Văn T phải có trách nhiệm trả cho anh L 80.000.000đ tiền gốc. Tiền lãi tính từ ngày 19/3/2019 đến ngày 19/9/2019 với mức lãi xuất 0,75%/tháng là: 80.000.000đ x 0,75%/tháng x 6 tháng = 3.600.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 83.600.000đ (Tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đào Thị L đã được triệu tập hai lần hợp lệ nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại nhà anh Tạ Văn Th anh Đoàn Văn L cho anh Vi Văn T vay số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền gốc, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2019, lãi suất 1%/ tháng, mục đích vay để anh T bảo dưỡng xe ô tô, anh Vi Văn T viết văn bản ngày 19/3/2019 có anh Tạ Văn Th chứng kiến. Đến hạn thanh toán anh L đã yêu cầu anh T trả tiền nhưng anh T không trả cho anh L. Ngày 12 tháng 12 năm 2019 anh Đoàn Văn L nộp đơn khởi kiện yêu cầu anh Vi Văn T phải trả cho anh L 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền gốc và yêu cầu anh T phải trả lãi theo lãi suất 1%/ tháng tính từ ngày 19/3/2019 đến ngày 19/9/2019. Ngày 11/02/2020 anh L thay đổi yêu cầu về lãi suất, anh L yêu cầu anh T phải trả tiền lãi của số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) lãi suất 0,75%/ tháng tính từ ngày

19/3/2019 đến ngày 19/9/2019. Anh Vi Văn T khẳng định số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) ghi trong văn bản ngày 19/3/2019 chính là tiền lãi của số tiền 540.000.000đ (Năm trăm bốn mươi triệu đồng) hoặc 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) anh T vay của anh Tạ Văn Th nhưng anh Th bảo anh T viết là vay của anh L nên anh T cũng đồng ý. Số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) này anh T đã trả cho Lợi và anh Th tại nhà anh T nhưng do tin tưởng anh Th và anh L nên anh T không lấy lại bản gốc văn bản ngày 19/3/2019. Anh L khởi kiện yêu cầu anh T phải trả cho anh L 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi suất 0,75%/ tháng tính từ ngày 19/3/2019 đến ngày 19/9/2019 anh T không đồng ý và khẳng định số tiền này anh T đã trả cho anh L, tài liệu để chứng minh việc trả nợ là là “Giấy biên nhận thế chấp tài sản vay tiền” ngày 29/01/2019.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Văn L, Hội đồng xét xử thấy: Anh Đoàn Văn L khởi kiện yêu cầu anh Vi Văn T phải trả số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi suất phát sinh, căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của anh L là văn bản ngày 19 tháng 3 năm 2019. Bản thân anh Vi Văn T cũng khẳng định toàn bộ chữ viết và chữ ký “Vi Văn T” trong văn bản ngày 19/3/2019 (bút lục 26) anh L nộp tại Tòa án đúng là chữ viết và chữ ký của anh T. Anh T cho rằng số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) anh T viết trong văn bản ngày 19/3/2019 là tiền lãi của số tiền 540.000.000đ (Năm trăm bốn mươi triệu đồng) hoặc 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) anh T vay của anh Tạ Văn Th. Anh T đưa ra tài liệu để chứng minh cho sự phản đối của mình là “Giấy biên nhận thế chấp tài sản vay tiền” ngày 29/01/2019. Hội đồng xét xử thấy: Nội dung ghi trong “Giấy biên nhận thế chấp tài sản vay tiền” do anh T đưa ra ghi rõ anh T vay của anh L 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), mục đích vay để mua ô tô khách chạy bắc nam, lãi suất 1%/tháng, không phải 2000đ/1.000.000đ/ngày như lời khai của anh T, văn bản có tiêu đề “Song Vân ngày 19/3/2019” do anh L đưa ra được lập sau “Giấy biên nhận thế chấp tài sản vay tiền” năm mươi ngày. Trường hợp anh T cho anh L vay 500.000.000đ lãi suất 2000đ/1.000.000đ/ ngày như lời khai của anh T thì số tiền lãi đến ngày 19/3/2019 được tính thành tiền như sau: $500.000.000đ \times 2000đ/1.000.000/ 01 \text{ ngày} = 1.000.000đ/01 \text{ ngày} \times 50 \text{ ngày} = 50.000.000đ$ (Năm mươi triệu đồng), không phải là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) như anh T khai. Mặt khác, ngày 29/01/2019 anh T vay 500.000.000đ mua ô tô, ngày 19/3/2019 vay thêm 80.000.000đ để bảo dưỡng ô tô là phù hợp về thời gian, mục đích sử dụng tiền vay. Như vậy có căn cứ để khẳng định ngày 19/3/2019 anh Vi Văn T vay của anh Đoàn Văn L 80.000.000đ, lãi suất 1%/ tháng nhưng anh T chưa thanh toán cho anh L là sự thật. Anh Đoàn Văn L khởi kiện yêu cầu anh Vi Văn T trả 80.000.000đ tiền gốc, lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 19/3/2019 đến ngày 19/9/2019 (06 tháng) là có căn cứ nên không thể chấp nhận sự phản đối của anh T mà chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của anh L là có căn cứ, phù hợp với Điều 466, Điều 467 Bộ luật dân sự. Số tiền lãi anh T phải trả anh L được tính như sau: $80.000.000đ \times 0,75\%/01 \text{ tháng} = 600.000đ/01 \text{ tháng} \times 06 \text{ tháng} = 3.600.000đ$ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Tiền lãi từ ngày 20/9/2019 trở đi đến ngày mở phiên tòa xét xử vụ án anh Đoàn Văn L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Văn L được chấp nhận nên anh L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Vi Văn T phải chịu tiền án phí đối với yêu cầu của anh Đoàn Văn L được chấp nhận.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Buộc anh Vi Văn T phải trả cho anh Đoàn Văn L số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền gốc và 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án không thanh toán hết số tiền phải thanh toán thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Án phí: Anh Vi Văn T phải chịu 4.180.000đ (Bốn triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Đoàn Văn L 2.120.000đ (Hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp tại biên lai số AA/2016/0002210 ngày 16 tháng 12 năm 2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thạo